

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

PHẨM NHƯ LAI TÁNH

THỨ MƯỜI HAI

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn!
Hai mươi lăm cõi có ngã cùng chăng?”

Phật dạy: “Này Thiện-nam-tử! Ngã tức là nghĩa Như-Lai tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh tức là nghĩa của ngã. Nghĩa của ngã như vậy từ nào tới giờ thường bị vô lượng phiền não che đậy, vì thế nên chúng sanh chẳng nhận thấy được.

Như cô gái nghèo, trong nhà có nhiều kho tàng vàng vòng, tất cả người nhà không ai biết. Một hôm có người khách lạ khéo biết phương tiện bảo cô gái nghèo: “Nay tôi thuê cô dọn cỏ rác cho tôi”.

Cô gái liền đáp: “Nếu ông có thể chỉ kho vàng cho tôi, rồi tôi sẽ dọn cỏ rác cho ông”.

Người khách nói: “Tôi biết cách thức, có thể chỉ kho vàng cho cô.”

Cô gái nói: “Tất cả người nhà của tôi còn chẳng biết được, huống là ông mà có thể biết!”

Khách lại nói: “Nay tôi có thể biết chắc chắn”.

Cô gái nói: “Tôi gấp muốn thấy, ông nên chỉ cho tôi”.

Người khách liền ở trong nhà cô, đào được kho vàng rỗng. Cô gái thấy kho vàng lòng rất vui mừng ngạc nhiên lạ lùng, kính trọng người khách.

Này Thiện-nam-tử! Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tất cả chúng sanh chẳng nhận thấy được. Khác nào cô gái nghèo có kho vàng mà chẳng biết. Hôm nay ta chỉ bày

Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh hiện bị các phiền não che đậy. Như cô gái nghèo kia trong nhà sẵn có kho vàng nhưng không thấy được. Hôm nay đức Như-Lai chỉ bày kho báu giác tánh cho chúng sanh, đây chính là Phật tánh. Chúng sanh thấy được tánh này lòng rất vui mừng quy ngưỡng đức Như-Lai.

Người khách khéo biết phương tiện dụ cho Như-Lai. Cô gái nghèo dụ cho vô lượng chúng sanh. Kho vàng rỗng dụ cho Phật tánh.

Này Thiện-nam-tử! Ví như cô gái sanh một trai, trẻ này mắc bệnh, cô gái buồn rầu tìm y sĩ. Y sĩ đến xem bệnh, dùng ba thứ bọ, sữa đường phèn hiệp lại bảo cho đưa trẻ uống. Y sĩ dặn cho cô gái, đưa trẻ sau khi uống thuốc chớ cho nó bú, phải chờ thuốc tiêu hóa, rồi mới được cho bú

Cô gái liền lấy chất đắng thoa trên vú rồi bảo đứa bé: “Vú của mẹ đã thoa thuốc độc, con chớ chạm đến”.

Đứa bé đói khát muốn bú, nhưng nghe mùi đấng trên vú bèn chẳng dám gần. Thời gian sau thuốc uống đã tiêu hoá, người mẹ lấy nước rửa sạch vú mình, gọi con đến bú.

Lúc đó đứa trẻ mặc dầu đói khát nhưng nhớ mùi đấng nên chẳng dám đến bú.

Người mẹ bảo: “Vì con uống thuốc nên mẹ lấy chất đấng thoa trên vú. Thuốc con uống đã tiêu hóa, vú của mẹ cũng đã rửa sạch, giờ đây con có thể đến bú không hại gì.”

Đứa trẻ nghe mẹ bảo lần lần đến bú.

Này Thiện-nam-tử! Đức Như-Lai cũng vậy. Vì độ tất cả chúng sanh nên dạy tu pháp vô ngã. Nhờ tu pháp đó dứt hẳn tâm chấp ngã, được nhập Niết-Bàn. Vì trừ những vọng kiến trong đời nên thị hiện pháp xuất thế gian. Lại chỉ rõ quan niệm chấp ngã của người đời là hư vọng chẳng phải chân thật, nên dạy tu pháp vô ngã để được thân thanh tịnh.

Như cô gái kia chữa bệnh cho con, nên lấy chất đắng thoa trên vú. Cũng vậy, Đức Như-Lai vì dạy tu pháp không nên nói các pháp đều không có ngã.

Như cô gái kia rửa sạch vú rồi kêu con đến bú. Cũng vậy, đức Phật hôm nay nói Như-Lai tạng.

Vì thế nên các Tỳ-kheo chớ sanh lòng kinh sợ.

Như đứa trẻ kia nghe mẹ kêu lần lần đến bú. Cũng vậy, các Tỳ-kheo nên tự phân biệt Như-Lai tạng, chẳng được, chẳng có.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Thật không có ngã. Vì lúc đứa trẻ mới sanh không hiểu biết. Nếu là có ngã thì ngày mới sanh lẽ ra liền có hiểu biết. Do nghĩ này nên định biết là không ngã.

Nếu quyết định có ngã, sau khi đã thọ sanh, lẽ ra không chết mất. Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là thường trụ, lẽ ra

không hư hoại. Nếu là không hư hoại, sao lại có Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Chiên-đà-la, Súc sanh v.v... sai biệt nhau. Hiện nay thấy các thứ nghiệp duyên chẳng đồng, các loài đều riêng khác. Nếu quyết định có ngã, thì tất cả chúng sanh lẽ ra không hơn kém.

Do những nghĩa trên đây nên định biết Phật tánh chẳng phải là pháp thường trụ.

Nếu cho rằng Phật tánh quyết định là thường trụ, thì do duyên gì lại nói có sát sanh, trộm cướp, tà dâm, lưỡng thật, ác khẩu. Vọng ngôn, ỷ ngữ, tham lam, sân hận, tà kiến.

Nếu ngã tánh là thường trụ, có gì sau khi uống rượu lại say mê.

Nếu ngã tánh là thường trụ, thì kẻ mù lẽ ra thấy sắc, kẻ điếc lẽ ra nghe tiếng, kẻ câm lẽ ra nói được, người què lẽ ra có thể đi.

Nếu ngã tánh là thường trụ, lẽ ra chẳng còn tránh hầm lửa, nước lụt, thuốc độc, dao gươm, kẻ ác, thú dữ.

Nếu ngã là thường trụ, thì những việc đã từng nghe thấy lẽ ra chẳng quên. Nếu chẳng quên có gì lại nói: tôi đã từng thấy người này ở chỗ đó.

Nếu ngã là thường, thì lẽ ra chẳng nên có niên thiếu, tráng niên, lão thành v.v... Lẽ ra chẳng nên có thịnh, suy, mạnh, yếu cùng nhớ đến việc đã qua.

Nếu ngã là thường, thì nó ở chỗ nào? Nó ở trong nước mũi, nước miếng, hay ở trong các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng ư!

Nếu ngã là thường, lẽ ra nó phải khắp trong thân, như dầu mè không chỗ hở trống. Nếu như vậy lúc chặt đứt thân thể, thì ngã đó lẽ ra cũng bị đứt!”

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-tát: “Thiện-nam-tử! Ví như nhà vua có đại lực sĩ. Trên trán lực

sĩ gắn hột châu kim cương. Lực sĩ này cùng người đánh vật. Hột châu kim cương bị đầu kẻ địch đụng lún khuất trong da. Nơi đó thành vết thương. Liền nhờ y sĩ cứu chữa. Y sĩ tài giỏi xem vết thương biết là do hột châu lún vào ở khuất dưới da. Y sĩ hỏi lực-sĩ: “Châu kim cương trên trán của ông đâu rồi?”

Lực sĩ kinh hãi đáp: “Hột châu trên trán của tôi đã mất rồi ư? Nó rơi rớt ở đâu?” Nói xong lo rầu khóc lóc.

Y sĩ an ủi: “Nay ông chẳng nên buồn khổ. Vì lúc ông đánh vật, hột châu lún vào ở ẩn dưới da, bóng nó hiện ra nơi ngoài. Lúc các ông vật đánh nhau, lòng quá giận tức, nên hột châu lún vào trán mà chẳng hay biết”.

Lực sĩ chẳng tin lời của y sĩ. Nghĩ rằng: Nếu hột châu ở dưới da, máu mủ chảy tuôn có sao hột châu chẳng trôi lên. Còn nếu hột châu ở trong gân, lẽ ra không thể thấy. Hoặc giả y sĩ gạt gẫm ta chăng? Bấy giờ y sĩ cầm gương

soi trên mặt lục sĩ. Hột châu kim cương hiện ánh sáng trong gương. Lục sĩ nhìn thấy, ngạc nhiên mừng rỡ.

Nầy Thiện-nam-tử! Tất cả chúng sanh cũng như vậy. Vì không được gần gũi bậc thiện-tri-thức, dầu có Phật tánh mà đều không nhận thấy. Bị tham, sân, si che đậy. Vì thế nên đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, Chiên-đà-la, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Sanh vào trong các dòng đó, nhân tâm tưởng mà gây ra các thứ nghiệp duyên. Dầu được thân người, nhưng phải điếc, đui, câm, ngọng, què, thọt. Thọ các quả báo trong hai mươi lăm cõi. Vì tham, sân, si, che lấp bản tâm, nên chẳng biết Phật tánh. Như lục sĩ kia hột châu vẫn ở trong thân mà hô đã mất.

Cũng vậy, chúng sanh chẳng biết gần gũi thiện-tri-thức, chẳng biết bảo tạng Như-Lai, nên tu học vô ngã. Như hạng chẳng phải

bậc Thánh, dầu nói là có ngã, nhưng lại chẳng biết chân tánh của ngã.

Hàng đệ tử của ta cũng giống như vậy, vì chẳng biết gần gũi bậc thiện-tri- thức, nên tu học vô ngã mà chẳng biết chỗ thật của vô ngã. Còn chẳng tự biết chân tánh của vô ngã, huống lại có thể biết chân tánh của ngã.

Này Thiện-nam-tử! Đức Như-Lai nói các chúng sanh đều có Phật tánh, ví như y sĩ chỉ hột châu kim cương cho lục sĩ, các chúng sanh này bị vô lượng phiền não che đậy chẳng biết Phật tánh. Nếu dứt hết phiền não, bây giờ mới được chứng biết rõ ràng. Như lục sĩ thấy hạt châu trong gương sáng.

Tạng Như-Lai vô lượng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Ví như núi Tuyết có một vị thuốc tên là “Dược vị”. Thuốc đó rất ngọt, ở dưới lùm bụi rậm, người không thấy được. Có người nghe mùi thuốc liền biết chỗ

đó chắc có thuốc ấy. Thuở trước có vua Chuyển Luân ở nơi núi Tuyết này đặt những bông cây để tiếp lấy thuốc. Lúc thuốc đó chín thì từ đất chảy ra chứa vào trong bông cây, mùi vị thuốc ngọt ngon. Sau khi Vua đã băng, thì thuốc đó hoặc chua, hoặc mặn, hoặc ngọt, hoặc đắng, hoặc cay, hoặc lạt, tùy địa phương của thuốc sanh ra mùi vị đều khác nhau. Nhưng vị thật của thuốc đọng ở nơi núi như mặt trăng tròn. Người phàm ít phước dầu có đào xới chỉ luống khôn khổ mà không thể được. Lúc có Thánh-Vương ra đời, vì phước lớn của Vua, liền được vị thật của thuốc.

Này Thiện-nam-tử! Mùi vị tạng Như-lai cũng như vậy, bị các rừng bụi phiền não che đậy, chúng sanh mê mờ chẳng thấy được.

“Dược vị” trên kia dụ cho Phật tánh. Bởi các phiền não nên sanh ra các thứ mùi vị sai khác như là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ,

Trời, người, nam, nữ, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà v.v...

Phật tánh hùng mãnh không thể hư hoại, vì thế nên không ai có thể sát hại được. Nếu sát hại được thì Phật tánh dứt, nhưng Phật tánh trọn không thể dứt, vì không bao giờ tánh có thể dứt được.

Như tánh của ngã tức là tạng Như-Lai không có gì phá hoại, đốt cháy được tánh ấy. Dầu không có thể phá hoại, nhưng chẳng thấy được. Nếu chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác mới thấy được tánh. Do có đó nên không ai có thể sát hại được.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu không ai sát hại được, thì lẽ ra không có nghiệp bất thiện?”

Phật nói: “Này Ca-Diếp! Thật có sát sanh. Vì Phật tánh của chúng sanh ở trong thân ngũ âm, nếu sát hại ngũ âm, gọi là sát sanh, đã có sát sanh, thì đọa ác thú.

Do nhân duyên của nghiệp mà có Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Chiên-đà-la, nam-nữ v.v... hai mươi lăm cõi sai khác lưu chuyển trong dòng sinh tử.

Người chẳng phải bậc thánh vọng chấp tướng của ngã là lớn hay nhỏ, bằng hột cỏ, hoặc bằng hột gạo, hột đậu, nhẫn đến bằng ngón tay cái. Họ vọng sanh các thứ tướng tượng như vậy. Tướng của vọng tướng không có chân thật.

Tướng ngã xuất thế gian, gọi là Phật tánh. Nhận lấy ngã này, gọi là rất lành.

Này Thiện-nam-tử! Ví như có người giỏi biết kho báu dưới đất, liền lấy cuốc bèn đào đất, thẳng đến đá bàn, cát, sỏi, có thể đào qua không khó, chỉ đến lớp kim cương thì không thể soi thấu.

Luận về chất kim cương, tất cả dao búa không thể làm hư bể. Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, tất cả nhà biện luận,

Thiên-ma Ba-tuần, cho đến các hàng Trời, người, không thể phá hoại.

Tướng ngũ âm là hữu vi, tướng hữu vi dụ như đá, cát, sỏi, có thể đào, có thể soi. Phật tánh dụ như kim cương, không thể phá hoại được.

Do nghĩa này, nên phá hoại thân ngũ âm thì gọi đó là sát sanh.

Này Thiện-nam-tử! Nên biết quyết định rằng Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện nam-tử! Kinh Đại-thừa Phương-đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Do nhân duyên gì mà Đức Như-Lai nói kinh Đại-thừa Phương-Đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc”.

- Này Thiện-nam-tử! Nay ông muốn biết nghĩa chân thật của tạng Như-Lai chăng?

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Tôi nay thật muốn biết nghĩa của tạng Như-Lai”.

Bấy giờ Đức Thế-Tôn nói kệ rằng:

Hoặc có người uống cam lồ.

Hại thân mạng mà chết sớm.

Hoặc có người uống cam lồ.

Thêm tuổi thọ sống được lâu,

Hoặc uống thuốc độc được sống,

Có người uống độc mà chết.

Trí vô ngại như cam lồ,

Đó chính là kinh Đại thừa.

Kinh điển Đại thừa như vậy,

Cũng gọi là chất thuốc độc.

Như bọ, đê-hồ, vân vân.

Nhẫn đến các thứ đường phèn.

Uống vào tiêu hóa là thuốc .

Chẳng tiêu hoá thì thành độc.

Kinh Đại-thừa cũng như vậy,

Nơi người trí là cam lồ,

Kẻ ngu chẳng biết Phật tánh.

Nghe Đại-thừa thành thuốc độc.
Vớí bậc Thanh-Văn, Duyên-Giác.
Pháp Đại thừa là cam lồ.
Cũng như trong các mùi vị.
Chất sữa là hơn tất cả.
Những người siêng năng tinh tấn.
Nhờ nương nơi pháp Đại-thừa.
Được đến nơi Đại-Niết-bàn.
Thành bậc vua trong loài người.
Chúng sanh chứng biết Phật tánh.
Được chất cam lồ vô thượng.
Thì không sanh cũng không tử.
Nhu Ca-Diếp Bồ-Tát thầy.
Này Ca-Diếp ông nên phải.
Khéo phân biệt pháp tam-quy,
Thật tánh của pháp tam-quy.
Thì là chân tánh của ngã.
Nếu có thể gẫm xét kỹ.
Tánh của ngã có tánh Phật.
Nên biết những người như vậy.

Được chứng nhập tạng Như-Lai.
 Biết ngã cùng biết ngã sở.
 Người này đã được xuất thế.
 Tánh, Phật, Pháp, Tăng, Tam-Bảo.
 Là bậc đệ nhứt vô thượng.
 Kệ trên đây của ta nói.
 Phật tánh đó nghĩ như vậy.

Ca-Diếp Bồ-Tát nói kệ bạch Phật:
 Tôi nay đều chẳng biết.
 Quy y nơi Tam-Bảo.
 Thế nào sẽ về đến.
 Vô thượng vô-sở-úy?
 Chẳng biết chỗ Tam-Bảo.
 Thế nào là vô ngã?
 Quy y Phật thế nào,
 Mà được nơi an ổn?
 Quy y Pháp thế nào,
 Xin Phật vì tôi nói.
 Thế nào được tự tại?

Thế nào chẳng tự tại?
Quy y Tăng thế nào,
Lại được lợi vô thượng?
Thế nào thuyết chân thật,
Đòi sau thành Phật đạo?
Đòi sau nếu chẳng thành,
Thế nào quy Tam-Bảo?
Nay tôi không dự biết,
Nên tuân tự quy y.
Thế nào chưa thai nghén,
Mà tưởng sẽ sanh con?
Nếu biết ở trong thai,
Thì gọi là có con,
Con nếu ở trong thai,
Chắc sẽ sanh chẳng lâu,
Đây gọi là nghĩa con,
Nghiệp chúng sanh cũng vậy.
Nhu lời Phật đã nói,
Người ngu chẳng biết được.
Do vì họ chẳng biết,

Luân hồi ngục sanh tử,
Giả danh Ưu-bà-tắc,
Chẳng biết nghĩa chân thật.
Xin Phật rộng phân biệt,
Dứt trừ lưới nghi cho.
Đức Phật trí huệ lớn,
Xin thương vì phân biệt,
Xin nói nơi Như-Lai,
Tặng báu rất bí mật.

- Ca-Diếp ông nên biết,
Ta nay sẽ vì ông,
Khéo mở tặng bí mật,
Cho ông được dứt nghi,
Nay phải hết lòng nghe:
Ông trong hàng Bồ-Tát,
Thì đồng một danh hiệu,
Với Đức Phật thứ bảy.
Người quy y nơi Phật,
Thật là Ưu-Bà-Tắc,

Trợn chẳng lại quy y.
Những thiên thần nào khác.
Người quy y nơi Pháp,
Thì lìa sự sát hại.
Người quy y Thánh-Tăng,
Chẳng cầu các ngoại đạo,
Quy Tam-Bảo như vậy,
Thì được vô-sở-úy.

Ca-Diếp bạch Phật rằng:
Tôi cũng quy Tam-bảo,
Đây gọi là đường chánh,
Cảnh giới của chư Phật,
Tướng Tam-bảo bình đẳng.
Thường có tánh trí huệ,
Tánh ngã và tánh Phật,
Không hai không sai khác,
Đạo này Phật khen ngợi,
Thẳng đến chỗ ở an.
Cũng gọi chánh biến tri.

Nên đợc Phật tán thán.
 Tôi cũng đến Phật đạo.
 Của Đức Phật ngợi khen.
 Là cam lồ tối thượng.
 Các cõi chỗ không có.

Đức Phật bảo Ca-Điếp Bồ-Tát: “Này Thiện-nam-tử! Nay ông chẳng nên như hàng Thanh-văn, cùng hàng phàm phu phân biệt ngôi Tam-bảo. Nơi Đại-thừa đây không có tướng Tam-quy sai khác, vì trong Phật tánh bèn có Pháp và Tăng. Nhân muốn hóa độ hàng Thanh-văn và phàm phu, nên phân biệt nói tướng Tam-quy sai khác.

Này Thiện nam-tử! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian, thì nên phân biệt có ba pháp quy y.

Này Thiện-nam-tử! Bồ-Tát nên suy nghĩ như thế này, nay thân của ta đây quy y nơi Phật, nếu chính nơi thân này đợc thành Phật đạo, đã thành Phật rồi, chẳng nên cung kính lễ

bái cúng dường các đức Thế-Tôn. Vì chư Phật đều bình đẳng. Khấp vì chúng sanh mà làm chỗ quy y. Nếu muốn tôn trọng pháp thân xá lợi, thì nên lễ kính tháp miếu của chư Phật, vì muốn hóa độ chúng sanh, cũng làm cho chúng sanh đối với thân của ta tưởng là tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Những chúng sanh đó, lấy pháp thân của ta làm chỗ quy y.

Tất cả chúng sanh đều nương theo pháp tà ngụy chẳng chân thật, ta sẽ tuần tự vì chúng sanh nói pháp chân thật.

Nếu lại có chúng sanh nương theo pháp chẳng phải chân Tăng, ta sẽ vì chúng sanh làm chỗ chân Tăng để chúng quy y.

Nếu có người phân biệt ba pháp quy y ta sẽ vì họ mà làm chỗ quy y duy nhất, không ba pháp sai khác.

Đối với hạng sanh-manh (49), ta vì họ làm nhãn-mục.

Ta lại sẽ vì hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà làm chỗ chân quy.

Này Thiện-nam-tử! Như vậy, Bồ-tát vì vô lượng chúng sanh ác và những người trí mà làm Phật sự.

Này Thiện-nam-tử! Ví như người lúc ra trận chiến đấu, tự nghĩ rằng trong đội ngũ đây, ta là người thứ nhất, tất cả binh sĩ đều nương cậy nơi ta.

Cũng như vương-tử suy nghĩ thế này, ta sẽ điều-phục các vương-tử khác, nối ngôi đại vương giữ gìn nghiệp bá chủ, để được tự tại, khiến các vương tử đều phải quy y. Vì thế nên chẳng được sanh tâm hạ liệt. Như vương tử, vua và các quan cũng như vậy. Này Thiện-nam-tử! Bồ-Tát cũng suy nghĩ như vậy: Thế nào ba sự cùng ta đồng một thể?

Này Thiện-nam-tử! Đức Phật nói ba sự tức là Niết-Bàn. Như-Lai đó gọi là Vô-Thương-Sĩ. Ví như thân người, đầu là trên tất

cả, chẳng đồng với tay chân lóng đốt. Phật cũng như vậy, là bậc tôn thượng, chẳng phải Pháp cùng Tăng. Vì muốn hóa độ các thế gian, nên thị hiện những tướng sai khác, ví như bậc thang kia.

Vì thế, nay ông chẳng nên như hàng phàm phu, nhận biết tướng ba pháp quy y sai khác. Đối với Đại-thừa, ông phải như dao bén mạnh mẽ quyết đoán.

Ca-Diếp BỒ-TÁT bạch Phật: “Thế-Tôn! Tôi vẫn biết, nhưng cố ý hỏi, chẳng phải là không biết, tôi vì các vị BỒ-TÁT đại đồng mãnh, mà bạch hỏi chỗ thật hành thanh tịnh không như, muốn đức Như-Lai vì các BỒ-TÁT tuyên nói những việc kỳ-đặc, tuyên dương kinh điển Đại-thừa Phương-Đẳng. Đức Đại-Bi Thế-Tôn hôm nay đã khéo giải thuyết. Tôi cũng đã an trụ trong pháp đó. Chỗ thật hành thanh tịnh của BỒ-TÁT mà Phật đã nói đó, tức là tuyên thuyết kinh Đại Niết-Bàn.

Thế-Tôn! Nay tôi cũng sẽ rộng vì chúng sanh diển dương tạng Như-Lai bí mật như vậy, cũng sẽ chúng biết chỗ tam-quy chân thật.

Nếu có chúng sanh nào có thể tin kinh Đại-Niết-Bàn này, người đó thì có thể tự nhiên rõ thấu chỗ ba pháp quy y. Vì tạng Như-Lai có Phật tánh vậy.

Có người tuyên nói kinh điển này, thì đều nói rằng trong thân vẫn có Phật tánh. Người này bèn chẳng cầu ba pháp quy y nơi đâu xa. Vì đời vị lai đây, thân ta bèn sẽ thành tựu ngôi Tam-Bảo. Vì thế nên hàng Thanh-Văn, Duyên-giác và những chúng sanh khác đều nương nơi ta mà cung kính lễ bái. Do nghĩa đó nên phải khéo học kinh điển Đại-thừa.

Phật tánh như vậy chẳng thể nghĩ bàn, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt cũng chẳng thể nghĩ bàn”.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “Lành thay! Lành thay! Nay Thiện-nam-tử! Ông đã thành tựu trí huệ rất sâu.

Nay ta sẽ lại vì ông nói pháp chứng nhập Tạng Như-Lai.

Nếu ngã là có, thì là pháp thường chẳng rời nơi khổ. Nếu không có ngã, thì tu hạnh thanh tịnh không được lợi ích.

Nếu cho rằng các pháp đều không có ngã, đó là đoạn kiến, nếu cho rằng có ngã thì là thường kiến.

Nếu cho rằng tất cả hành pháp là vô thường, thì là đoạn kiến, cho rằng các hành pháp là thường, thì lại là thường kiến.

Nếu nói là khổ, thì là đoạn kiến, nếu nói là lạc, thì lại là thường kiến.

Tu tất cả pháp thường đó, thì sa nơi đoạn kiến, tu tất cả pháp đoạn đó, thì sa nơi thường kiến. Như bước đi, cần phải do chân trước, mới dời được chân sau. Người tu pháp

thường, pháp đoạn, cũng lại như vậy, cần phải do nơi đoạn và thường.

Do nghĩ này, nên người tu các pháp khổ đều gọi là chẳng lành, người tu các pháp lạc, thì gọi là lành. Người tu các pháp vô ngã, thì thuộc về phiền não, người tu các pháp thường, thì gọi là tạng Như-Lai.

Niết-Bàn, không có nơi chốn. Tu những pháp vô thường, thì là tài vật, tu những pháp thường, gọi là Phật, Pháp, Tăng, và chánh giải thoát.

Nên biết Phật pháp trung đạo như vậy, xa lìa hai bên mà nói pháp chân thật. Người phạm phu ngu mê dối trong pháp đó không nghi, như người gầy yếu, được uống thuốc bổ, thì khí lực khỏe khoắn.

Những pháp hữu, vô, thể tánh chẳng nhưt định. Ví như tứ đại tánh nó chẳng đồng, đều trái phản nhau. Lương y khéo biết tùy món đại nào phát bệnh mà điều chỉnh đó.

Này Thiện-nam-tử! Cũng vậy, đức Như-lai đối với các chúng sanh, cũng như vị lương y, rõ biết thể tướng sai khác của các phiền não mà dứt trừ, khai-thị tạng Như-Lai bí mật, Phật tánh thanh tịnh thường trụ chẳng biến đổi. Nếu cho rằng có, thì lẽ ra trí chẳng nhiễm. Nếu nói là không, bèn thành vọng ngữ. Nếu nói là có, lẽ ra chẳng nên nín lặng. Lại cũng chẳng nên hý luận cãi cọ, chỉ nên cầu được rõ biết chân tánh của các pháp.

Người phàm phu hý luận cãi cọ vì chẳng hiểu tạng Như-Lai. Nếu nói pháp khổ, người ngu bèn cho thân là vô thường, chẳng có thể biết nơi thân có tánh lạc.

Nếu nói vô thường, người phàm phu chấp tất cả thân đều là vô thường, như ngói chưa hầm chín.

Nếu là người trí nên phải quan sát, chẳng nên nói tất cả đều vô thường, vì nơi thân của ta có chủng tử Phật tánh.

Nếu nói vô ngã, người phàm phu sẽ cho là tất cả Phật, Pháp đều không có ngã. Người trí nên phải quan sát vô ngã là giả danh chẳng thật, rõ biết như vậy chẳng nên sanh nghi.

Nếu nói tạng Như-Lai là không tịch, người phàm phu nghe như thế sanh kiến chấp đoạn diệt. Người trí nên phải quan sát Như-Lai là thường, không có biến đổi.

Nếu nói giải thoát dụ như huyễn hoá, người phàm phu sẽ cho rằng chúng được giải thoát tức là dứt mất. Người trí nên phải quan sát đức Như-Lai giải thoát, dầu có đến đi, nhưng vẫn thường trụ không biến đổi.

Nếu nói vô minh làm nhân duyên mà có các hành pháp, người phàm phu liền phân biệt tưởng rằng có hai pháp: “minh” đến “vô minh”. Người trí rõ biết tánh đó vốn không có hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói các hành làm nhân duyên có ra thức, người phàm phu cho rằng có hai: “hành” cùng “thức”.

Người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói thập thiện, thập ác có thể tạo tác, không thể tạo tác, đường lành, đường dữ, pháp lành, pháp dữ, người phàm phu nghe đó cho là có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói nên tu tất cả pháp khổ, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh kia không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả hành pháp là vô thường thì tạng Như-Lai cũng là vô thường, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả pháp vô ngã, tạng Như-Lai cũng không có ngã, phàm phu cho rằng có

hai, người trí rõ biết tánh đó không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Ngã với vô ngã nơi tánh không có hai thứ.

Tạng Như-Lai, nghĩa tánh vô lượng vô biên như vậy, là chỗ mà chư Phật đều tán thán, hôm nay ta ở nơi trong kinh thành-tự tại tất cả công đức này đều đã nói rồi.

Này Thiện-nam-tử! Ngã cùng vô ngã tánh và tướng không có hai thứ, ông phải trân trọng thọ trì như vậy, ông cũng phải ghi nhớ giữ gìn kinh điển này. Như ta ngày trước trong kinh Đại-Bát-Nhã cũng nói ngã và vô ngã không có hai thứ.

Này Thiện-nam-tử! Như do sữa thành lạc, do lạc thành sanh-tô, do sanh-tô thành thực-tô, do thực-tô được chất đề-hồ. Chất lạc đó là từ sữa sanh ra, hay là nó tự sanh, hoặc do cái khác sanh ư, hẳn đến đề-hồ cũng lại như vậy. Nếu từ cái khác sanh, thì là lẽ ra

chẳng phải do sữa mà thành. Nếu chẳng phải từ nơi sữa sanh, thì sữa thành vô dụng đối với lạc, bởi sữa vốn không có lạc. Nếu lạc, tự nó sanh lấy nó, lẽ ra chẳng từ sữa lần lần biến thành lạc. Nếu lần lần biến thành, thì là chẳng sanh chung. Nếu chẳng sanh chung thì cả năm thứ không đồng một thì. Dầu chẳng đồng một thì nhưng quyết định chẳng phải từ nơi chỗ khác mà có.

Phải biết trong chất sữa đã có tướng của chất lạc. Vì nhiều vị ngọt nên chẳng thể tự biến. Nhẫn đến chất đề-hồ cũng lại như vậy.

Do con bò cái ăn cỏ, uống nước, huyết mạch chuyển biến mà được có sữa. Nếu nó ăn cỏ ngọt thì sữa nó nhiều vị ngọt. Nếu nó ăn cỏ đắng, thì sữa nó có lẫn vị đắng. Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Phì-Nhị. Bò cái ăn cỏ Phì-Nhị, thì được thuần chất đề-hồ, không có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Do cỏ lúa làm nhân duyên mà sữa bò có màu vị khác nhau. Cũng vậy, các chúng sanh do minh cùng vô minh, vì nghiệp làm nhân duyên mà sanh có hai tướng. Nếu vô minh chuyển thì biến làm minh. Tất cả những pháp thiện, bất thiện, v.v..., cũng lại như vậy, không có hai thứ.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Như lời Phật nói, trong sữa có tướng lạc, nghĩa đó như thế nào? Thế-Tôn! Nếu nói rằng trong sữa quyết định có tướng lạc, do vì vì tế chẳng thấy được, thế sao lại nói từ nơi sữa mà thành lạc. Phàm trước vốn không mà nay có thì gọi đó là sanh. Như lạc đã vốn có, sao lại nói là sanh. Nếu nói trong sữa quyết định có tướng lạc, thì trong cỏ lúa lẽ ra cũng có sữa, và trong sữa lẽ ra cũng có cỏ lúa.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, thế sao nhân sữa mà được thành lạc. Nếu

trước vốn không, sau mới sanh ra có, thì có gì trong sữa chẳng sanh ra cỏ lúa?

- Thiện-nam-tử! Chẳng nên nói quyết định trong sữa có lạc hay trong sữa không lạc, cũng chẳng nên nói từ nơi khác mà sanh.

Nếu nói trong sữa quyết định có lạc, thì chất và vị của hai thứ sao lại khác nhau. Vì thế nên chẳng nên nói trong sữa quyết định có chất lạc.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, có sao trong sữa chẳng sanh vật khác. Dem chất độc pha vào trong sữa, lúc sữa đó thành lạc, thì chất lạc đó giết chết người, vì thế nên chẳng nên nói rằng trong sữa quyết định không có chất lạc.

Nếu nói chất lạc từ nơi khác mà sanh, thì có gì trong nước lã chẳng sanh chất lạc, mà phải từ nơi sữa, vì thế nên chẳng nên nói chất lạc từ nơi khác mà sanh.

Này Thiện-nam-tử! Bò cái kia ăn cỏ tiêu hoá biến thành bạch huyết, do phước lực của chúng sanh, cỏ huyết biến thành sữa. Sữa này dầu từ nơi cỏ huyết mà ra, nhưng chẳng được nói là hai thứ, chỉ được gọi là từ nhân duyên mà sanh. Chất lạc, nhữn đến đê-hồ cũng lại như vậy.

Do nhân duyên nên sau khi sữa mất biến thành chất lạc, ủ đông, hâm nóng, đó là nhân duyên. Nhữn đến đê-hồ cũng lại như vậy. Vì thế nên chẳng được nói quyết định rằng trong sữa không có tướng lạc.

Nếu nói từ nơi khác mà sanh, thì ngoài sữa không do đâu để có chất lạc.

Này Thiện-nam-tử! “Minh” cùng “vô minh” cũng lại như vậy. Nếu chung với phiền não thì gọi là vô minh, nếu chung với tất cả pháp lành thì gọi là minh. Do đó nên ta nói không có hai tướng. Vì thế nên trước kia ta

nói bò cái ăn cỏ Phì-Nhị ở núi Tuyết, thì sanh thuần chất đề-hồ. Phật tánh cũng vậy.

Này Thiện-nam-tử! Do vì phiền não che đậy nên chúng sanh chẳng thấy Phật tánh, như người phước bạc chẳng thấy được cỏ Phì-Nhị.

Như trong biển lớn, dầu đồng một vị mặn, nhưng trong đó cũng có nước ngọt ngon, vị đồng như sữa. Như nơi núi Tuyết, dầu sanh nhiều cỏ thuốc, nhưng cũng có cỏ độc.

Thân của các chúng sanh cũng lại như vậy, dầu có giống rắn độc tứ đại, nhưng trong đó cũng có diệu dược, tức là Phật tánh. Phật tánh chẳng phải là pháp tạo tác làm ra, chỉ vì phiền não khách trần che khuất, nếu chúng sanh nào dứt trừ được phiền não, thì liền thấy được Phật tánh thành đạo vô thượng.

Ví như giữa hư không, giăng mây nổi sấm, trên ngà của tất cả voi đều sanh bông. Nếu không có sấm nổ, thì bông không sanh.

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, thường bị tất cả phiền não che khuất nên chẳng thấy được. Vì thế nên ta nói chúng sanh không có ngã.

Nếu được nghe kinh điển Đại-Niết-Bàn vi diệu này, thì được thấy Phật tánh như bông hiện trên ngà voi.

Dẫu nghe tất cả tam muội trong kệ kinh, mà chẳng nghe kinh Đại-Niết-Bàn này, thì chẳng biết được tướng Như-Lai vi diệu. Như lúc không có tiếng sấm, thì chẳng thấy được bông trên ngà voi.

Nếu được nghe kinh này rồi, liền biết tạng Phật tánh của tất cả Như-lai nói. Như trời sấm thấy bông trên ngà voi. Được nghe kinh này liền biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Do nghĩa trên đây, nên nói Đại-Niết-Bàn là tạng Như-Lai thêm lớn pháp thân, như

lúc trời sẩm, bông trên ngà voi nhờ đó mà được sanh thêm.

Nếu có thiện-nam, tín-nữ, có thể tập học kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn này, nên biết những người đây có thể báo được ân Phật, thật là đệ tử của Phật.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng: “Thế-Tôn! Phật tánh như đã nói rất sâu, khó thấy, khó vào, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác không thể đến được.”

Phật nói: “Này Thiện nam-tử! Đúng như lời ông vừa khen, chẳng trái lời nói của ta”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Phật tánh ấy rất sâu, khó thấy, khó vào như thế nào?”

Phật nói: “Này Thiện-nam-tử! Như trăm người mù đến lương y để trị bệnh mắt. Lúc đó lương y dùng kim vàng lột màng mắt của họ, lột xong, giơ một ngón tay hỏi rằng: Thấy không? Người mù đáp rằng: Tôi vẫn chưa

thấy. Lương y lại giơ hai ngón, ba ngón; người mù mới nói rằng thấy mờ mờ.

Này Thiện-nam-tử! Kinh điển Đại-Niết-Bàn vi diệu này, lúc đức Như-Lai chưa nói cũng lại như vậy. Vô lượng Bồ-tát đầu đầy đủ thật hành các ba-la-mật, nhẫn đến bậc thập-trụ vẫn còn chưa thấy được Phật tánh. Lúc Như-Lai đã nói, mới thấy được chút ít. Lúc Bồ-Tát này đã được thấy, đều nói rằng: “Thế-Tôn! Lòng thay, chúng tôi lưu chuyển thọ vô lượng sanh tử, thường bị vô ngã làm mê lầm.

Này Thiện-nam-tử! Bồ-tát này lên bậc thập-địa còn chưa thấy được Phật tánh rõ ràng, hướng là hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà có thể thấy được.

Này Thiện-nam-tử! Ví như có người ngược mặt nhìn đàn chim nhận trên hư không, nhìn kỹ phương phát thấy dạng bày nhận. Bậc thập-trụ Bồ-tát đối nơi Phật tánh, thấy biết

được chút ít cũng lại như vậy, huông là hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà thấy biết được!

Này Thiện-nam-tử! Ví như người say, đi trên đường xa, ngó thấy mậ mờ. Bậc thập trụ Bồ-tát đối với Phật tánh thấy biết được ít phần cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Như người khát nước, đi trong đồng trống, khắp nơi tìm nước, thấy có lùm cây, trong lùm có chim bạch hạc, người đó bị cơn khát bức ngặt, mê muội chẳng phân biệt được là cây hay là nước. Đến lúc nhìn kỹ mới biết là chim bạch hạc cùng với lùm cây. Bậc thập trụ Bồ-Tát, đối với Phật tánh, thấy biết phần ít cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Ví như có người ở trong biển lớn, nhìn đến trăm ngàn do tuần, trông thấy chiếc thuyền lớn ở ngoài khơi xa, liền nghĩ rằng: Đó là chiếc thuyền hay là khoảng không. Nhìn lâu, trong tâm quyết định

biết là thuyền lớn. Bậc thập trụ Bồ-Tát, ở trong tự thân, thấy Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Ví như vị Vương-tử, thân rất yếu đuối, dạo chơi suốt đêm, đến sáng ngày sau, mắt mờ thấy không được rõ. Bậc Thập-trụ Bồ-Tát dầu ở nơi thân mình thấy được Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Ví như quan lại, vì công sự suốt đêm trở về nhà chớp nhoáng thấy bầy trâu, liền nghĩ rằng: Đó là trâu ư, hay là dây nhà, nhìn lâu, dầu nhận là trâu mà còn chưa định chắc. Bậc Thập-trụ Bồ-Tát, dầu ở nơi thân mình thấy Phật tánh, chưa có thể định chắc cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Như Tỳ-kheo trì giới, nhìn trong bát nước không có trùng, mà thấy tương trùng, liền nghĩ rằng: Trong nước đây là trùng hay bụi đất, nhìn lâu, dầu biết là bụi nhưng chẳng rõ ràng. Bậc Thập-trụ Bồ-tát,

ở trong thân mình thấy Phật tánh chẳng được rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Ví như có người, xa thấy đứa trẻ đứng trong bóng tối, liền nghĩ rằng: Đó là con vật, là chim, hay là người? Nhìn lâu, dần nhận thấy là đứa trẻ, nhưng vẫn chẳng rõ ràng. Bậc Thập-trụ Bồ-tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Ví như có người ở trong đêm tối, thấy bức họa tượng Bồ-Tát liền nghĩ rằng: Đây là tượng Bồ-Tát hay là tượng Thiên-thần, nhìn lâu dần nhận là tượng Bồ-Tát, nhưng chẳng rõ ràng. Bậc Thập-trụ Bồ-Tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Phật tánh ấy rất sâu như vậy, khó biết khó thấy, chỉ Phật biết rõ, chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác đến

được. Người trí phải quan sát như vậy để rõ biết Phật tánh.

Ca-Diếp BỒ-Tát bạch Phật: “Phật tánh vi-tế khó thấy như vậy, thế sao nhục nhãn mà có thể thấy được.”

Phật bảo Ca-Diếp BỒ-Tát: “Này Thiện-nam-tử! Như trời Phi-tướng Phi-Phi-tướng kia, cũng chẳng phải hàng nhị thừa biết được, chỉ tin theo khế-kinh mà biết.

Này Thiện-nam-tử! Hàng Thanh-Văn Duyên Giác tin thuận theo kinh Đại-Niết-Bàn này tự biết thân mình có Phật tánh.

Này Thiện-nam-tử! Vì thế nên phải tinh tấn tu tập kinh Đại-Niết-Bàn. Phật tánh đó chỉ Phật biết rõ, chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác đến được.”

Ca-Diếp BỒ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Hàng chúng sanh phàm phu chẳng phải Thánh đều nói có ngã”.

Phật nói: “Ví như hai người làm bạn thân nhau: Một người là vương tử, một người là dân hèn, hai người đó thường qua lại nhau, lúc đó người nghèo thấy vương tử có một con dao tốt, trong lòng thích muốn, thời gian sau, vương tử mang dao trốn qua nước khác. Một hôm, người dân hèn ngủ nhờ nhà người khác, giữa giấc ngủ mơ nói con dao! con dao! Người nhà nghe được bắt nộp cho vua. Vua gạn hỏi: Nhà ngươi nói con dao, nay ở đâu? Người dân bèn thuật rõ việc trước. Nay nhà vua dầu giết thần, banh xẻ tay chân cũng không thể tìm được dao. Thần cùng vương tử vốn là bạn thân, trước kia, dầu mắt được thấy con dao, nhưng còn không dám chạm đến, huống lại cố ý lấy.”

Vua lại hỏi: “Lúc nhà ngươi thấy dao, hình dạng giống thứ gì “.

Người dân bèn thưa: “Tâu Đại-Vương, thần thấy con dao ấy giống như sừng dê đen”.

Vua nghe xong, vui mừng cả cười, bảo rằng: “Nhà ngươi chớ sợ, ta tha cho ngươi, trong kho tàng của ta, đều không có thứ dao ấy, huống là ngươi thấy con dao nơi vương tử”.

Lúc đó nhà vua lại hỏi các quan: “Các khanh từng thấy con dao đó chăng?” Nói xong vua liền băng. Triều thần liền lập vương tử khác lên làm vua.

Tân Vương lại hỏi các quan: “Các khanh từng thấy con dao đó chăng? Hình dáng nó như thế nào?”

Các quan đồng tâu: “Chúng thần từng thấy hình nó như sừng dê đen”.

Vua nói: “Trong kho tàng của ta, chỗ nào mà có thứ dao hình dạng như vậy?”

Lần lượt bốn vị tân Vương tra tìm con dao ấy đều chẳng được.

Sau đó, vị Vương tử đào vong ngày trước, trở về nước, được tôn làm vua. Khi lên

ngôi xong, tân Vương này lại hỏi các quan: “Các khanh có thấy con dao đó chằng? Hình dạng nó thế nào?”

Các quan tâu: “Chúng tôi đều thấy”. Rồi đua nhau trình bày hình dáng của con dao. Người thì nói sắc dao thanh tịnh như hoa sen xanh. Người lại nói hình như sừng dê. Người thì nói dao màu hồng đỏ như lửa. Người lại nói dao đen tuyền như rắn đen.

Nhà vua cả cười bảo: “Các khanh đều chằng thấy biết hình dáng thật của con dao của ta”.

Này Thiện-nam-tử! BỒ-Tát xuất hiện nơi đời nói tướng chân thật của ngã cũng như vậy. Nói xong bỏ đi. Như Vương-tử mang con dao tốt trốn qua nước khác.

Người phàm phu ngu mê cho rằng tất cả đều có ngã, có ngã. Như người dân hèn ngu nhờ nhà người khác, mơ nói con dao! con dao!

Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác hỏi các chúng sanh, tướng của ngã như thế nào? Đáp rằng: “Tôi thấy tướng của ngã lớn bằng ngón tay cái. Có kẻ nói, như hạt gạo. Có kẻ nói như hạt cỏ. Cũng có kẻ nói tướng của ngã ở trong tâm, sáng rõ như mặt trời”.

Những chúng sanh đó đều chẳng biết tướng của ngã. Như các quan chẳng biết hình dáng của con dao.

Bồ-Tát nói tướng trạng của ngã, hàng phàm phu chẳng rõ biết, vọng tưởng ra các hình tướng của ngã, như những người nói hình dáng của con dao, giống như sừng dê đen v.v...

Các hạng phàm phu đó, tuần tự nói nhau mà sanh những tà kiến.

Vì dứt những tà kiến đó, nên đức Như-Lai hiện ra đời, nói pháp vô-ngã. Vương-tử bảo các quan: Trong kho tàng của ta không có thứ dao như vậy.

Này Thiện-nam-tử! Hôm nay đức Như-Lai nói ngã chân thật gọi là Phật tánh. Phật tánh như vậy ở trong phật pháp của ta, như con dao tốt kia.

Thiện-Nam-tử! Nếu có kẻ phàm phu, có thể nói đúng, đó chính là do vì tùy thuận Phật pháp vô thượng. Nếu có người khéo phân biệt tùy thuận tuyên nói như đây, nên biết người đó chính là Bồ-tát.

THÍCH NGHĨA

(47) – PHƯƠNG-ĐĂNG: Rộng lớn cùng khắp.

(48) – THANH-VĂN: Nghe thanh âm ; hàng Tiểu-thừa nghe thanh âm thuyết pháp của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc nghiệp, chứng chân quả. Không phải như Đại-Thừa Bồ-Tát tự ngộ bản tâm, tự chứng bản tánh.

(49) – SANH-MANH: Kẻ mù từ khi sanh ra. Nơi đây chỉ cho hạng phàm phu không trí huệ chân chánh.